

HƯỚNG DẪN

Thực hiện nội dung tiêu chí số 11.1. Tỷ lệ hợp tác xã hoạt động theo Luật hợp tác xã năm 2012 có hiệu quả và nội dung tiêu chí 11.2. Tỷ lệ hộ sản xuất, kinh doanh trên địa bàn không phải là thành viên hợp tác xã tham gia vào kế hoạch sản xuất kinh doanh của hợp tác xã tại Tiêu chí số 11 của Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Sơn La giai đoạn 2018 - 2020 được ban hành tại Quyết định số 2290/QĐ-UBND ngày 19/9/2018 của UBND tỉnh Sơn La

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ:

Căn cứ Luật Hợp tác xã năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15/9/2017 của Chính phủ Về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã năm 2012;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1760/QĐ-TTg ngày 10/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 2290/QĐ-UBND ngày 19/9/2018 của UBND tỉnh Sơn La về việc Ban hành Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao tỉnh Sơn La giai đoạn 2018 - 2020.

Sở Kế hoạch và Đầu tư ban hành hướng dẫn Thực hiện nội dung tiêu chí số 11.1. Tỷ lệ hợp tác xã hoạt động theo Luật hợp tác xã năm 2012 có hiệu quả và nội dung tiêu chí 11.2. Tỷ lệ hộ sản xuất, kinh doanh trên địa bàn không phải là thành viên hợp tác xã tham gia vào kế hoạch sản xuất kinh doanh của hợp tác xã tại Tiêu chí số 11 của Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Sơn La giai đoạn 2018 - 2020 được ban hành tại Quyết định số 2290/QĐ-UBND ngày 19/9/2018 của UBND tỉnh Sơn La như sau:

II. ĐỐI TƯỢNG ĐÁNH GIÁ:

- Các hợp tác xã nằm trên địa bàn các xã đã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2018 - 2020.
- Các hộ sản xuất, kinh doanh trên địa bàn các xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn không phải là thành viên Hợp tác xã tham gia vào kế hoạch sản xuất kinh doanh của Hợp tác xã.

III. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ, THẨM ĐỊNH:

1. Xã có tỷ lệ $\geq 70\%$ Hợp tác xã tổ chức và hoạt động theo quy định của Luật hợp tác xã năm 2012 có hiệu quả, đảm bảo 2 điều kiện sau:

1.1. Hợp tác xã hoạt động theo Luật Hợp tác xã 2012 được đánh giá là “đạt” (đánh giá hoạt động theo Luật HTX năm 2012 chi tiết tại phụ lục số 01 kèm theo):

1.1.1. Những hợp tác xã được thành lập trước ngày Luật HTX năm 2012 có hiệu lực thi hành (01/07/2013) mà tổ chức và hoạt động không trái với quy định của Luật HTX năm 2012 thì tiếp tục hoạt động và không phải đăng ký lại, nhưng phải đủ các điều kiện sau theo Luật HTX năm 2012:

- Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Hợp tác xã.
- Điều lệ.
- Ngành, nghề sản xuất, kinh doanh mà pháp luật không cấm.
- Phương án sản xuất kinh doanh.
- Danh sách thành viên, hợp tác xã thành viên.
- Danh sách hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc), ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên.
- Vốn góp của thành viên thực hiện theo thỏa thuận và theo quy định của điều lệ nhưng không quá 20% vốn điều lệ của hợp tác xã.
- Thời hạn, hình thức và mức góp vốn điều lệ theo quy định của điều lệ, nhưng thời hạn góp đủ vốn không vượt quá 06 tháng, kể từ ngày hợp tác xã được cấp giấy chứng nhận đăng ký.
- Khi góp đủ vốn, thành viên, hợp tác xã thành viên được hợp tác xã cấp giấy chứng nhận vốn góp.
- Sổ đăng ký thành viên hợp tác xã.
- Tên của hợp tác xã được đặt theo quy định tại Điều 22 của Luật Hợp tác xã năm 2012.

- Có trụ sở chính theo quy định tại Điều 26 của Luật Hợp tác xã năm 2012.

1.1.2. Những hợp tác xã thành lập trước ngày 01/07/2013 mà tổ chức và hoạt động không phù hợp với quy định của Luật HTX năm 2012 thì phải đăng ký lại và hoạt động đúng theo quy định Luật HTX năm 2012, bao gồm các bước tiến hành sau:

Bước 1. Công tác chuẩn bị

(1). Tổ chức hội nghị nội bộ

- Thành phần: Ban quản trị, Ban Kiểm soát, cán bộ chuyên môn nghiệp vụ; mời lãnh đạo Đảng uỷ, UBND xã, phường, thị trấn.

- Nội dung:

+ Quán triệt nội dung, quan điểm, nhận thức và phương pháp tiến hành tổ chức lại hoạt động của HTX.

+ Căn cứ tình hình cụ thể của HTX, dự kiến nhân sự tham gia Hội đồng tổ chức lại HTX (gồm Ban Quản trị, Ban Kiểm soát, kế toán, đại diện xã viên).

+ Dự thảo tổ chức lại HTX, trong đó dự kiến thành lập các nhóm công tác, nội dung công việc của nhóm và dự kiến thời gian tổ chức hội nghị mở rộng.

(2) Hội nghị mở rộng

- Thành phần: Ban Quản trị, Ban Kiểm soát, cán bộ chuyên môn nghiệp vụ, các tổ đội, đại diện đại biểu xã viên.

- Nội dung:

+ Thông qua kế hoạch triển khai của HTX.

+ Thông qua việc thành lập Hội đồng tổ chức lại hoạt động HTX.

+ Hội đồng thông qua chương trình hoạt động, thành lập các nhóm và phân công nhiệm vụ cho các nhóm như sau:

Nhóm 1: tuyên truyền vận động đăng ký thành viên

+ Tổ chức tuyên truyền cho xã viên HTX về Luật HTX 2012, mục đích ý nghĩa của việc tổ chức lại hoạt động HTX theo Luật HTX 2012, vận động tham gia HTX kiểu mới.

+ Tuyên truyền bằng nhiều hình thức: hội nghị ở các tổ đội sản xuất, thông tin đài truyền thanh, phát tờ rơi...

+ Gửi và thu đơn đăng ký tham gia thành viên HTX kiểu mới.

Nhóm 2. Chuẩn bị dự thảo các văn bản

+ Rà soát, sửa đổi, bổ sung điều lệ HTX theo Luật HTX 2012, Nghị định 193/2013/NĐ-CP gửi về Liên minh HTX tỉnh góp ý.

+ Xây dựng phương án sản xuất kinh doanh dịch vụ của HTX đáp ứng nhu cầu của thành viên, phù hợp với điều kiện cụ thể của từng loại hình, lĩnh vực địa bàn hoạt động của HTX và phải đảm bảo:

* Xác định mục tiêu cần đạt được;

* Đánh giá đúng thực trạng về năng lực nội tại của HTX;

* Xây dựng phương án mở rộng các dịch vụ phù hợp với điều kiện của địa phương.

* Mô tả các tổ chức quản lý đối với từng khâu dịch vụ;

- Xây dựng đề án nhân sự gồm các nội dung:

* Tăng, giảm số lượng Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát theo đúng luật định;

* Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc, Giám đốc là thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê Giám đốc;

* Cơ cấu bộ phận giúp việc.

- Các văn bản khác có liên quan.

Nhóm 3. Kiểm kê, đánh giá toàn bộ tài sản, vốn quỹ, công nợ và lập báo cáo tài chính.

Căn cứ vào các quy định tại điều 42, 44, 46, 48 của Luật HTX để thực hiện các công việc sau:

+ Kiểm kê, đánh giá tài sản, làm rõ nguồn gốc hình thành, giá trị nguyên thủy, giá trị còn lại theo giá trị thực tế tại thời điểm kiểm kê.

+ Dự kiến phân định tài sản:

* Tài sản không chia: không chia lại cho thành viên.

* Tài sản khác: dự thảo phương án trình đại hội thành viên quyết định.

+ Kiểm kê, đánh giá vốn, quỹ, vật tư, sản phẩm hàng hoá thuộc vốn lưu động.

+ Phân loại nợ:

* Nợ phải thu: cần làm rõ và lập danh sách đối tượng nợ, nguồn gốc nợ, giá trị nợ, nợ vô chủ, nợ khó đòi; kiến nghị giải pháp xử lý (nợ vô chủ không có khả năng thanh toán đề nghị xoá nợ, nợ khó đòi đề nghị khoan nợ, nợ có khả năng đòi được thì lập kế hoạch hu hồi nợ) để trình đại hội thành viên quyết định.

* Nợ phải trả (nợ ngân hàng): giải trình lý do, kiến nghị với nhà nước về tỷ lệ miễn, giảm hoặc khoan nợ.

* Nợ cá nhân và các tổ chức khác: giải trình rõ lý do sau khi cân đối nợ và trình đại hội thành viên quyết định.

+ Về đất đai: xác định rõ diện tích, nguồn gốc, mục đích sử dụng (Nhà nước giao, cho thuê, HTX mua, thuê cá nhân, mượn, lấn chiếm, đất đã nộp tiền sử dụng...), kiến nghị xử lý từng loại.

(Công khai phương án xử lý tài sản, vốn quỹ, công nợ cho toàn thể xã viên trước đại hội ít nhất 10 ngày).

Bước 2. Tổ chức tuyên truyền, đăng ký lại thành viên

- Tổ chức tuyên truyền Luật HTX 2012, vận động đăng ký thành viên; sao, gửi các văn bản: dự thảo sửa đổi điều lệ, đề án nhân sự, dự thảo phương án sản xuất kinh doanh dịch vụ, công khai phương án xử lý tài sản, vốn quỹ, công nợ đến toàn thể xã viên của HTX để thảo luận, tham gia đóng góp ý kiến;

- Phát mẫu đơn đăng ký thành viên gửi đến từng thành viên trên cơ sở tán thành quy định của điều lệ HTX, tự nguyện viết đơn đăng ký tham gia, gửi về Ban Quản trị để tổng hợp.

Bước 3. Xác định loại hình, quy mô HTX

Hội đồng tổ chức lại hoạt động HTX tổng hợp kết quả làm việc với các nhóm, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, ý kiến tham gia của xã viên, lựa chọn mô hình tổ chức HTX, báo cáo về UBND xã, phường, thị trấn và Phòng Kinh tế hoặc Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, thành phố và thực hiện các bước tiếp theo.

Trong trường hợp quy mô của HTX nhỏ, sản xuất kinh doanh kém hiệu quả, hoạt động cầm chừng, không thích ứng với thị trường, có nhu cầu hợp nhất, sáp nhập, giải thể sẽ tiến hành như sau:

- Trường hợp HTX dự định hợp nhất, Ban Quản trị các HTX dự định hợp nhất hiệp thương, thành lập Hội đồng hợp nhất, phương án hợp nhất được quy định tại điểm b, điểm c Khoản 2 Điều 53 Luật HTX.

- Trường hợp HTX tự nguyện sáp nhập: xây dựng phương án sáp nhập được quy định tại điểm b, c, d Khoản 2 Luật HTX.

- Trường hợp HTX giải thể tự nguyện: thực hiện theo Khoản 1 Điều 54 Luật HTX, Khoản 1 Điều 19 Nghị định 193/2013/NĐ-CP, Điều 17 Thông tư 03/2014/TT-BKHĐT.

- Trường hợp HTX giải thể bắt buộc: thực hiện theo Khoản 2 Điều 54 Luật HTX, Khoản 2 Điều 19, Điều 21 Nghị định 193/2013/NĐ-CP.

- Trường hợp chuyển đổi hình thức hoạt động thì thành lập Hội đồng chuyển đổi mời đại diện UBND xã, phường, thị trấn nơi có trụ sở chính tham gia Hội đồng chuyển đổi; xây dựng phương án tiến hành đại hội thành viên để quyết định việc đăng ký thay đổi sang loại hình tổ chức khác theo quy định của pháp luật.

Bước 4. Tổ chức đại hội HTX (thực hiện theo Điều 30, 31, 32, 33, 34 Luật HTX 2012).

Tùy theo tình hình cụ thể, HTX có thể tổ chức hai kỳ đại hội hoặc tổ chức một đại hội nhưng tách hai nội dung để Đại hội quyết định.

(1). Đại hội tổ chức lại HTX

Sau khi chuẩn bị và thực hiện tốt các bước trên, căn cứ vào kết quả làm việc của các nhóm, Hội đồng tổ chức lại hoạt động HTX báo cáo và dự kiến thời gian tổ chức Đại hội về UBND xã, phường, thị trấn, Phòng Kinh tế hoặc Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, thành phố.

- Ban Quản trị Hợp tác xã triệu tập đại hội (trước 7 ngày); chuẩn bị giấy mời, chương trình, các tài liệu liên quan đến Đại hội (theo Khoản 2, 3, 4 Điều 33 Luật Hợp tác xã).

- Ban Quản trị HTX tổ chức Hội nghị trừ bị kiểm duyệt lại chương trình, văn kiện, thống nhất kế hoạch tổ chức Đại hội.

- Đại hội quyết định các nội dung sau:

+ Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh từ Đại hội trước đến nay;

+ Báo cáo tổng kết tài sản và quyết toán tài chính đến thời điểm tổ chức lại, phương án xử lý tài sản, vốn quỹ, công nợ, các khoản lỗ trình Đại hội phê duyệt;

+ Báo cáo thẩm tra tư cách đại biểu (là xã viên);

+ Chia tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể hoặc chuyển đổi sang loại hình tổ chức khác (nếu có).

+ Thông qua danh sách thành viên tiếp tục đăng ký vốn góp tham gia HTX và giải quyết chấm dứt tư cách xã viên không đăng ký;

+ Xác định tài sản không chia, trả lại vốn góp cho xã viên không đăng ký tham gia thành viên mới;

+ Thông qua Nghị quyết Đại hội (biểu quyết từng phần).

- Đại hội thông báo một số nội dung của Đại hội thành viên (nhằm tiếp tục vận động thành viên tham gia HTX):

+ Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung theo Luật HTX 2012;

+ Dự thảo phương án sản xuất kinh doanh - dịch vụ của HTX;

+ Đề án cơ cấu nhân sự (nếu có sự bổ sung hoặc thay đổi).

(2). Đại hội thành viên HTX theo Luật HTX 2012

- Đại hội thành viên quyết định các nội dung sau:

+ Điều lệ sửa đổi, bổ sung theo Luật HTX 2012;

+ Danh sách đăng ký thành viên mới;

+ Vốn góp tối thiểu, thẩm quyền và phương thức huy động vốn;

+ Phương án sản xuất kinh doanh – dịch vụ;

+ Thông quan đề án nhân sự;

+ Bầu Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, bầu Ban Kiểm soát, trưởng Ban Kiểm soát;

+ Phê duyệt phương án tiền lương, tiền thưởng cho các chức danh trong HTX; đối tượng được HTX đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế bắt buộc;

+ Các nội dung khác do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát hoặc ít nhất 1/3 tổng số thành viên đề nghị;

+ Thông qua Nghị quyết Đại hội (biểu quyết).

Bước 5. Đăng ký lại HTX

Căn cứ kết quả Đại hội thành viên, Hội đồng quản trị HTX tập hợp nội dung cần đăng ký:

(1). Trường hợp HTX thay đổi một hoặc một số nội dung về tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật; tên, địa chỉ, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện thì HTX phải đăng ký với cơ quan đã cấp giấy chứng nhận đăng ký HTX nơi HTX đặt trụ sở chính để được cấp giấy chứng nhận đăng ký mới. Bộ hồ sơ gồm:

- Giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký của hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục số I-7 Thông tư 03/2014/TT-BKHĐT.

- Nghị quyết của hội đại hội thành viên hoặc quyết định của hội đồng quản trị về việc thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã.

(2) Trường hợp chỉ thay đổi nội dung điều lệ, số lượng thành viên, thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát hoặc Kiểm soát viên thì HTX thông báo bằng văn bản theo mẫu quy định tại Phụ lục I-9 Thông tư 03/2014/TT-BKHĐT đến cơ quan đã cấp giấy chứng nhận đăng ký HTX nơi HTX đặt trụ sở chính.

- Kèm theo thông báo là Nghị quyết của Đại hội thành viên hoặc quyết định bằng văn bản của Hội đồng quản trị về việc thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã.

- Trường hợp thay đổi điều lệ thì hợp tác xã gửi kèm theo bản điều lệ của hợp tác xã sau khi thay đổi.

Trường hợp thay đổi số lượng thành viên thì hợp tác xã gửi kèm theo bản danh sách thành viên sau khi thay đổi.

Trường hợp thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát/Kiểm soát viên của HTX thì HTX gửi kèm theo bản danh sách thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát/kiểm soát viên sau khi thay đổi.

1.2. Hợp tác xã được đánh giá, chấm điểm từ 50 điểm trở lên gồm các nhóm tiêu chí theo các nội dung sau:

- Nhóm I. Hiệu quả sản xuất kinh doanh của hợp tác xã.
+ Kết quả thực hiện kế hoạch/phương án sản xuất kinh doanh trong năm của hợp tác xã.

+ Lợi ích của thành viên hợp tác xã.

+ Vốn chủ sở hữu.

+ Mức độ ảnh hưởng tích cực đến cộng đồng.

- Nhóm II: Chấp hành quy định của pháp luật.

+ Chấp hành pháp luật trong hoạt động của hợp tác xã.

+ Hợp tác xã được khen thưởng trong năm.

- Nhóm III: Độ hài lòng của thành viên hợp tác xã.

(Nội dung chấm điểm xếp loại Hợp tác xã chi tiết theo phụ lục số 02 kèm theo)

2. Xã có tỷ lệ ≥ 80 hộ sản xuất, kinh doanh trên địa bàn không phải là thành viên Hợp tác xã tham gia vào kế hoạch sản xuất kinh doanh của Hợp

tác xã. (Có kế hoạch sản xuất kinh doanh dài hạn, trung hạn, ngắn hạn của Hợp tác xã cùng các hộ sản xuất, kinh doanh trên địa bàn).

2.1. Tham gia vào Kế hoạch sản xuất - kinh doanh dài hạn: loại kế hoạch này thường có thời hạn 5 năm trở lên, nhằm vạch phương hướng tổng thể cho sự phát triển của hợp tác xã.

2.2. Tham gia vào Kế hoạch sản xuất - kinh doanh trung hạn: loại kế hoạch này thường được xây dựng theo nhiệm kỳ của Đại hội thành viên (từ 2 đến 5 năm), nhằm đưa ra định hướng cho các hoạt động sản xuất - kinh doanh của hợp tác xã.

2.3. Tham gia vào Kế hoạch sản xuất - kinh doanh ngắn hạn: loại kế hoạch này được xây dựng cho hoạt động dưới một năm hoặc theo tháng, quý nhằm quy định cụ thể việc triển khai các hoạt động được định hướng trong kế hoạch sản xuất - kinh doanh dài hạn.

IV. PHƯƠNG PHÁP, THỦ TỤC, HỒ SƠ ĐỐI VỚI HỢP TÁC XÃ TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG THEO ĐÚNG QUY ĐỊNH CỦA LUẬT HỢP TÁC XÃ NĂM 2012:

1. Phương pháp và trình tự đánh giá HTX theo 04 bước sau:

1.1. Bước 1: Hội đồng quản trị HTX chủ trì phối hợp với Ban kiểm soát tổ chức chấm điểm và tổng hợp kết quả vào bảng tự chấm điểm của HTX (theo phụ lục số 02); đánh giá mức độ "đạt" hay "không đạt" về hoạt động theo Luật HTX năm 2012 (theo phụ lục số 01).

Đối với các phiếu đánh giá mức độ hài lòng của các thành viên, Ban kiểm soát chủ trì thông báo và phát phiếu đánh giá đến tất cả các thành viên (Phụ lục số 03), thu thập phiếu đánh giá, tiến hành rà soát đánh giá, phát hiện những phiếu đánh giá chưa đúng hoặc chưa đầy đủ để hướng dẫn thành viên đánh giá lại, thu thập phiếu đánh giá hợp lệ, tổng hợp, tính điểm đánh giá bình quân của thành viên, điểm đánh giá bình quân của thành viên bằng tổng điểm đánh giá của các phiếu hợp lệ chia cho số thành viên có phiếu đánh giá hợp lệ.

1.2. Bước 2: HTX gửi bảng tự đánh giá, chấm điểm cho UBND huyện, thành phố. Sau khi được UBND huyện, thành phố chấp nhận kết quả đánh giá xếp loại, HĐQT thông báo công khai kết quả cho các thành viên HTX.

1.3. Bước 3: UBND huyện, thành phố kiểm tra và xem xét việc chấp nhận kết quả tự đánh giá, chấm điểm của các HTX trên địa bàn, sau đó gửi kết quả đánh giá phân xếp loại cho các HTX, tổng hợp báo cáo kết quả đánh giá xếp loại gửi Văn phòng Điều phối Nông thôn mới tỉnh.

1.4. Bước 4: Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định kết quả đánh giá phân xếp loại HTX gửi UBND tỉnh (qua Văn phòng Điều phối Nông thôn mới).

2. Phương pháp chấm điểm các tiêu chí:

- Căn cứ kết quả thực tế và hướng dẫn tiêu chí, cách chấm điểm tại Phụ lục số 4, HĐQT tiến hành tự chấm điểm cho từng nội dung của mỗi tiêu chí và tổng hợp kết quả chấm điểm và bảng tự chấm điểm (Phụ lục số 02).

- Kết quả đánh giá xếp loại HTX theo 4 bước sau:
- + HTX hoạt động tốt: có tổng số điểm đạt từ 80 - 100 điểm.
- + HTX hoạt động khá: có tổng số điểm đạt từ 65 - dưới 80 điểm.
- + HTX hoạt động trung bình: có tổng số điểm đạt từ 50 - dưới 65 điểm.
- + HTX hoạt động yếu: có tổng điểm đạt dưới 50 điểm.

Trên đây là hướng dẫn Thực hiện nội dung tiêu chí số 11.1. Tỷ lệ hợp tác xã hoạt động theo Luật hợp tác xã năm 2012 có hiệu quả và nội dung tiêu chí 11.2. Tỷ lệ hộ sản xuất, kinh doanh trên địa bàn không phải là thành viên hợp tác xã tham gia vào kế hoạch sản xuất kinh doanh của hợp tác xã tại Tiêu chí số 11 của Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Sơn La giai đoạn 2018 - 2020 được ban hành tại Quyết định số 2290/QĐ-UBND ngày 19/9/2018 của UBND tỉnh Sơn La của Sở Kế hoạch và Đầu tư; đề nghị UBND các huyện, thành phố sao gửi văn bản này đến các xã nằm trong quy hoạch nông thôn mới trên địa bàn quản lý.

Trong quá trình triển khai thực hiện các sở, ban, ngành, địa phương phản ánh kịp thời những vướng mắc, khó khăn, đề xuất kiến nghị gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư để điều chỉnh nội dung hướng dẫn và báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền cấp trên./.

Nơi nhận: *Utahq*

- UBND tỉnh; (báo cáo)
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Liên minh Hợp tác xã tỉnh;
- Ban Giám đốc;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lưu VT, Phòng DNKTTT-TN, Thuận 25b.

GIÁM ĐỐC



Lê Hồng Minh

PHỤ LỤC SỐ 1

Đánh giá, thẩm định hợp tác xã hoạt động theo Luật hợp tác xã năm 2012

(Kèm theo Hướng dẫn số 1730/HD-SKHĐT ngày 20 tháng 9 năm 2018 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La)

1. Tiêu chí chung:

- Tiêu chí 1: Hợp tác xã có tư cách pháp nhân, do ít nhất 07 thành viên tự nguyện thành lập và hợp tác tương trợ lẫn nhau.
- Tiêu chí 2: Quản lý và sử dụng con dấu theo đúng quy định của pháp luật.
- Tiêu chí 3: Tên hợp tác xã phải được viết hoặc gắn tại trụ sở chính.
- Tiêu chí 4: Được cấp mã số thuế.
- Tiêu chí 5: Thực hiện quy định của pháp luật về tài chính, thuế, kế toán, kiểm toán, thống kê.
- Tiêu chí 6: Hoạt động đúng ngành, nghề đã đăng ký.
- Tiêu chí 7: Thực hiện hợp đồng dịch vụ giữa hợp tác xã với thành viên, liên hiệp hợp tác xã với hợp tác xã thành viên.
- Tiêu chí 8: Quản lý, sử dụng vốn, tài sản và các quỹ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của pháp luật.
- Tiêu chí 9: Quản lý, sử dụng đất và tài nguyên khác được Nhà nước giao hoặc cho thuê theo quy định của pháp luật.
- Tiêu chí 10: Ký kết và thực hiện hợp đồng lao động, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các chính sách khác cho người lao động theo quy định của pháp luật.
- Tiêu chí 11: Đối với các hợp tác xã thành lập trước ngày 01/7/2013 đã đăng ký tổ chức lại theo Luật hợp tác xã năm 2012; các hợp tác xã thành lập từ ngày 01/7/2013 thủ tục hồ sơ theo đúng quy định Luật hợp tác xã năm 2012.
- Tiêu chí 12: Có Hội đồng quản trị và ban kiểm soát hoạt động theo đúng quy định của điều lệ.
- Tiêu chí 13: Hợp tác xã không vi phạm pháp luật.
- Tiêu chí 14: Kinh doanh có lãi liên tục trong 02 năm tài chính gần nhất (hoặc 01 năm tài chính gần nhất đối với hợp tác xã mới thành lập chưa quá 02 năm hoặc báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh đối với hợp tác xã thành lập chưa quá 01 năm).

2. Tiêu chí riêng (HTX hoạt động đúng bản chất mô hình HTX)

- Tiêu chí 15: Mức vốn góp tối đa của thành viên không quá 20% vốn điều lệ
- Tiêu chí 16: Thực hiện theo đúng quy định về tổ chức Đại hội thành viên.

- Tiêu chí 17: Các thành viên được thực hiện quyền bình đẳng, biểu quyết ngang nhau không phụ thuộc vốn góp.

- Tiêu chí 18: Quản lý và sử dụng theo đúng quy định về tài sản không chia của hợp tác bao gồm: Quyền sử dụng đất do Nhà nước giao đất, cho thuê đất; Khoản trợ cấp, hỗ trợ không hoàn lại của Nhà nước; khoản được tặng, cho theo thỏa thuận là tài sản không chia; Phần trích lại từ quỹ đầu tư phát triển hằng năm được đại hội thành viên quyết định đưa vào tài sản không chia; Vốn, tài sản khác được Điều lệ quy định là tài sản không chia.

- Tiêu chí 19: Các thành viên có thực hiện cam kết theo hợp đồng dịch vụ và theo quy định của điều lệ.

- Tiêu chí 20: Thực hiện đúng tỷ lệ cung ứng, tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ việc làm ra thị trường cho từng lĩnh vực, loại hình theo quy định của Chính phủ. Phần tỷ lệ cung ứng sản phẩm dịch vụ được quy định tại Điều 5 Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ.

- Tiêu chí 21: Không có các công trình, dự án đầu tư không phục vụ lợi ích cho các thành viên.

Các Hợp tác xã phải đạt trên 17 tiêu chí mới được đánh giá là “Đạt”, trong đó các tiêu chí sau là bắt buộc phải đạt gồm: Tiêu chí 1, 2, 4, 7, 10, 13 và 21.

Khuyến khích xây dựng các Hợp tác xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững.

PHỤ LỤC SỐ 2

BẢNG TỰ CHẤM ĐIỂM CỦA HỢP TÁC XÃ

(Kèm theo Hướng dẫn số 1730/HD-SKHĐT ngày 20 tháng 9 năm 2018
của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La)

STT	Tiêu chí và chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị	Thang điểm	Điểm HTX tự chấm	Diễn giải
	Nhóm I: Hiệu quả sản xuất kinh doanh của Hợp tác xã		68		
1	Kết quả thực hiện kế hoạch/phương án sản xuất kinh doanh trong năm của HTX				
-	Tỷ lệ doanh thu thực hiện/doanh thu kế hoạch	%	6		
-	Tổng doanh thu năm của hợp tác xã	Triệu đồng	8		
-	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế (Lợi nhuận sau thuế x 100%/doanh thu)	%	8		
-	Trích quỹ phát triển không thấp hơn 20% trên thu nhập	Có/không	5		
-	Trích quỹ dự phòng tài chính (hoặc quỹ rủi ro) không thấp hơn 5% trên thu nhập	Có/không	5		
2	Lợi ích của thành viên hợp tác xã				
-	Ưu tiên giá dịch vụ cho thành viên so với khách hàng không là thành viên	Có/không	7		
-	Ưu tiên phân phối thu nhập cho thành viên	Có/không	8		
3	Vốn chủ sở hữu				
-	Tỷ lệ tăng vốn chủ sở hữu hàng năm của các thành viên của hợp tác xã	%	7		
-	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	7		
4	Mức độ ảnh hưởng tích cực đến cộng đồng				
	Quy mô hợp tác xã	Thành viên	7		
	Nhóm II: Chấp hành quy định của pháp luật		12		
5	Chấp hành pháp luật trong hoạt động của hợp tác xã				
	Không bị cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử phạt vi phạm trong hoạt động của hợp tác xã	Vi phạm/không	6		

6	Điểm thưởng				
	Hợp tác xã được khen thưởng trong năm	Có/không	6		
	Nhóm III: Độ hài lòng của thành viên		20		
7	Mức độ hài lòng của thành viên hợp tác xã				
	Mức độ hài lòng của thành viên hợp tác xã	Điểm	20		
	Tổng điểm		100		

Ghi chú: Tại cột diễn giải hợp tác xã ghi cụ thể nội dung và mức độ đạt điểm

PHỤ LỤC SỐ 3
PHIẾU ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ HÀI LÒNG CỦA THÀNH VIÊN
ĐỐI VỚI HỢP TÁC XÃ
(Kèm theo Hướng dẫn số 1730/HD-SKHĐT ngày 20 tháng 9 năm 2018
của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La)

Hợp tác xã:

Địa chỉ:

Tên thành viên:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Kết quả đánh giá:

STT	Chỉ tiêu	Điểm số					Nhận xét
		1	2	3	4	5	
1	Cung cấp thông tin của hợp tác xã cho các thành viên (thông tin phục vụ sản xuất kinh doanh của thành viên, thông tin về hoạt động của hợp tác xã)						
	Chất lượng sản phẩm và dịch vụ của hợp tác xã cung ứng cho thành viên						
	Tính kịp thời trong cung ứng sản phẩm và dịch vụ của hợp tác xã cho thành viên						
	Điều hành của Hội đồng quản trị, Giám đốc, Tổng Giám đốc						
	Tổng cộng điểm đánh giá (điểm tối đa 20 điểm) điểm					

..... ngày.....tháng.....năm.....
Thành viên ký và viết rõ họ tên

Ghi chú: Các thành viên hợp tác xã căn cứ vào tình hình hoạt động của hợp tác xã đánh giá từng chỉ tiêu trong phiếu đánh giá theo mức độ hài lòng của thành viên đối với hợp tác xã bằng cách cho điểm vào cột điểm số tương ứng với số điểm tăng dần theo mức độ hài lòng (từ thấp nhất là 1 điểm đến cao nhất là 5 điểm) đối với từng chỉ tiêu đánh giá. Nếu có ý kiến đánh giá bổ sung thì ghi vào cột nhận xét.

PHỤ LỤC SỐ 4
TIÊU CHÍ VÀ CÁCH CHẤM ĐIỂM ĐÁNH GIÁ HỢP TÁC XÃ

(Kèm theo Hướng dẫn số 1730/HD-SKHĐT ngày 20 tháng 9 năm 2018 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La)

STT	Tên tiêu chí	Chỉ tiêu đánh giá			
		Chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị	Thang điểm	Cách tính điểm
	Nhóm I. Hiệu quả sản xuất kinh doanh của hợp tác xã			68	
1	Kết quả thực hiện kế hoạch/phương án sản xuất kinh doanh trong năm của hợp tác xã	Tỷ lệ doanh thu thực hiện/doanh thu theo kế hoạch	%	6	- Dưới 100%: 0 điểm
					- Từ 100% đến 120%: 3 điểm
					- Từ 120% trở lên: 6 điểm
		Tổng doanh thu năm của hợp tác xã	Triệu đồng	8	- Dưới 1 tỷ đồng/năm: 2 điểm
					- Từ 1 tỷ đồng đến dưới 3 tỷ đồng/năm: 3 điểm
					- Từ 3 tỷ đồng đến dưới 10 tỷ đồng/năm: 5 điểm
					- Từ 10 tỷ đồng đến dưới 50 tỷ đồng/năm: 7 điểm
					- Từ 50 tỷ đồng/năm trở lên: 8 điểm
		Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu (lợi nhuận sau thuế x 100% doanh thu)	%	8	- Từ 0% trở xuống: 0 điểm
					- Từ trên 0% đến dưới 5%: 2 điểm
					- Từ trên 5% đến dưới 10%: 4 điểm
					- Từ trên 10% đến dưới 30%: 6 điểm
		Trích quỹ phát triển không thấp hơn 20% trên thu nhập	Có/không	5	- Không trích lập: 0 điểm
- Trích lập quỹ thấp hơn 20% trên thu nhập: 2 điểm					
- Trích lập quỹ phát triển không thấp hơn 20% thu nhập: 5 điểm					

		Trích quỹ dự phòng tài chính (hoặc quỹ rủi ro) không thấp hơn 5% trên thu nhập	Có/không	5	<ul style="list-style-type: none"> - Không trích lập hoặc trích lập quỹ thấp hơn 5% trên thu nhập: 0 điểm - Trích lập quỹ không thấp hơn 5% trên thu nhập: 5 điểm
2	Lợi ích của thành viên hợp tác xã	Ưu tiên giá dịch vụ cho thành viên so với khách hàng không thành viên	Có/không	7	<ul style="list-style-type: none"> - Không ưu tiên giá dịch vụ cho thành viên: 0 điểm - Có ưu tiên giá dịch vụ cho thành viên: 7 điểm
		Ưu tiên phân phối thu nhập cho thành viên	Có/không	8	<ul style="list-style-type: none"> - Thu nhập còn lại không phân phối theo mức độ sử dụng sản phẩm, dịch vụ hoặc theo công sức lao động đóng góp của thành viên: 0 điểm - Thu nhập còn lại phân phối cho thành viên dưới 50% theo mức độ sử dụng sản phẩm, dịch vụ hoặc theo công sức lao động đóng góp của thành viên: 4 điểm - Thu nhập còn lại phân phối cho thành viên từ 50% theo mức độ sử dụng sản phẩm, dịch vụ hoặc theo công sức lao động đóng góp của thành viên: 8 điểm
3	Vốn chủ sở hữu	Tăng tỷ lệ vốn chủ sở hữu hàng năm của các thành viên của hợp tác xã	%	7	<ul style="list-style-type: none"> - Giảm vốn chủ sở hữu hoặc không tăng: 0 điểm - Dưới 10%: 3 điểm - Từ 10% đến 20%: 5 điểm - Từ 20% trở lên: 7 điểm
		Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	7	<ul style="list-style-type: none"> - Dưới 500 triệu đồng: 0 điểm - Từ 500 triệu đến dưới 1 tỷ đồng: 3 điểm - Từ 1 tỷ đến dưới 10 tỷ: 5 điểm - Từ 10 tỷ đồng trở lên: 7 điểm

4	Mức độ ảnh hưởng tích cực đến cộng đồng	Quy mô thành viên hợp tác xã	Thành viên	7	- Hợp tác xã 7 thành viên: 2 điểm
					- Hợp tác xã trên 7 thành viên đến dưới 30 thành viên: 3 điểm
					- Hợp tác xã từ 30 thành viên đến dưới 100 thành viên: 5 điểm
					- Hợp tác xã có trên 100 thành viên trở lên: 7 điểm
Nhóm II. Chấp hành quy định của pháp luật					12
5	Chấp hành pháp luật trong hoạt động của hợp tác xã	Không bị cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử phạt vi phạm trong hoạt động của hợp tác xã	Vi phạm/ không	6	- Hợp tác xã bị cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử phạt: 0 điểm
					- Hợp tác xã không bị cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử phạt: 6 điểm
6	Điểm thưởng	Hợp tác xã được khen thưởng trong năm	Có/không	6	- Hợp tác xã không được khen thưởng trong năm: 0 điểm
					- Hợp tác xã được cấp xã khen thưởng trong năm: 2 điểm
					- Hợp tác xã được khen thưởng cấp huyện trong năm: 4 điểm
					- Hợp tác xã được khen thưởng cấp tỉnh trở lên: 6 điểm
Nhóm III. Độ hài lòng của thành viên					
7	Mức độ hài lòng của thành viên hợp tác xã	Mức độ hài lòng của thành viên hợp tác xã	Điểm	20	Tổng hợp theo Phụ lục số 3, tính điểm đánh giá bình quân của thành viên, điểm đánh giá bình quân của thành viên bằng tổng điểm đánh giá của các phiếu hợp lệ chia cho số thành viên có phiếu đánh giá
Tổng điểm				100	